

## Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

<b>E-ĐKC 1.3</b>	<p>Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Tin học - Viễn thông Hàng không          Địa chỉ: Số 412 Nguyễn Văn Cừ, phường Bồ Đề, TP. Hà Nội          Mã số thuế: 0103019524          Điện thoại: +84 24 6252 6555          Email: dauthau@aits.vn</p>
<b>E-ĐKC 1.5</b>	<p>Địa điểm cung cấp dịch vụ là: Số 412 Nguyễn Văn Cừ, phường Bồ Đề, TP. Hà Nội</p>
<b>E-ĐKC 1.11</b>	<p>Nhà thầu: _____ [<i>ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu</i>].</p>
<b>E-ĐKC 2.2 (i)</b>	<p>Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng: _____ [<i>liệt kê tài liệu</i>].</p>
<b>E-ĐKC 4.1</b>	<p>Các thông báo cần gửi về Chủ đầu tư theo địa chỉ dưới đây:          Công ty Cổ phần Tin học - Viễn thông Hàng không          Số 412, Nguyễn Văn Cừ, Phường Bồ Đề, Thành phố Hà Nội.          Điện thoại: +84 24 6252 6555          Email: dauthau@aits.vn</p>
<b>E-ĐKC 5.2</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: Trong vòng 07 ngày kể từ ngày nhận được công văn đặt hàng của Chủ đầu tư. Trường hợp hết thời hạn bảo đảm dự thầu mà nhà thầu chưa nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng thì nhà thầu có trách nhiệm gia hạn bảo đảm dự thầu cho đến khi bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực.</li> <li>- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: Nhà thầu nộp Bảo đảm thực hiện hợp đồng theo hình thức đặt cọc hoặc Thư bảo lãnh (<i>vô điều kiện, không hủy ngang</i>) do Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành.</li> <li>- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: .....<b>VND</b> (<i>Bằng chữ...../.</i>) tương đương 3% giá hợp đồng.</li> <li>- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực trong vòng [<i>số ngày thực hiện hợp đồng + 30</i>] ngày kể từ ngày phát hành. <i>Trong trường hợp phải kéo dài thời</i></li> </ul>

	<i>gian thực hiện hợp đồng (được chủ đầu tư chấp thuận) thì nhà thầu phải kéo dài thời gian bảo đảm thực hiện hợp đồng bằng thời gian thực hiện hợp đồng sau khi được gia hạn cộng thêm 30 ngày.</i>
<b>E-ĐKC 5.4</b>	Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: <i>Chủ đầu tư phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho nhà thầu ngay sau khi hoặc không chậm hơn 30 ngày kể từ khi Nghiệm thu Hợp đồng.</i>
<b>E-ĐKC 6.1</b>	Danh sách nhà thầu phụ: không áp dụng
<b>E-ĐKC 6.2</b>	Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: ____ giá hợp đồng [ <i>Hệ thống trích xuất theo Mục 27.2 E-CDNT</i> ].
<b>E-ĐKC 6.4</b>	Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ [ <i>ghi yêu cầu khác về nhà thầu phụ (nếu có)</i> ].
<b>E-ĐKC 10.1</b>	Loại hợp đồng: <i>Trọn gói</i>
<b>E-ĐKC 10.2</b>	Giá hợp đồng: <i>Cố định</i>
<b>E-ĐKC 11</b>	Điều chỉnh thuế: Được phép. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng. Nhà thầu phải gửi thông báo về sự thay đổi trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày có sự thay đổi cho chủ đầu tư.
<b>E-ĐKC 12.1</b>	Tạm ứng: Không áp dụng.
<b>E-ĐKC 13.1</b>	Phương thức thanh toán: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.</li> <li>- Thời hạn và số lần thanh toán: Thanh toán 100% giá trị hợp đồng trong vòng 30 ngày kể từ ngày Hai bên ký Biên bản nghiệm thu và chủ đầu tư nhận được đầy đủ hồ sơ thanh toán gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đề nghị thanh toán;</li> <li>- Biên bản nghiệm thu đào tạo;</li> <li>- Biên bản nghiệm thu kỹ thuật;</li> <li>- Biên bản nghiệm thu tổng thể;</li> <li>- Hóa đơn tài chính hợp lệ;</li> <li>- Bảo đảm bảo hành với nội dung như sau:</li> </ul> </li> </ul>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Giá trị bảo đảm bảo hành: Hai Bên thống nhất mức bảo đảm bảo hành là .... VNĐ (<i>Bằng chữ: ...../.</i>), tương đương 3% giá trị hợp đồng.</li> <li>▪ Nhà thầu nộp bảo đảm bảo hành trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày nghiệm thu tổng thể.</li> <li>▪ Thời hạn bảo đảm bảo hành: 12 tháng kể từ ngày phát hành.</li> <li>▪ Hình thức bảo đảm bảo hành: Bảo đảm bảo hành theo hình thức đặt cọc hoặc Thư bảo lãnh do tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành.</li> <li>▪ Hoàn trả bảo đảm bảo hành: Chủ đầu tư phải hoàn trả bảo đảm bảo hành cho nhà thầu không chậm hơn 30 ngày kể từ khi xác nhận hoàn thành nghĩa vụ bảo hành, hoặc hết hiệu lực bảo đảm bảo hành (<i>tùy theo điều kiện nào đến trước</i>).</li> </ul> <p>- Chứng từ khác (nếu có).</p>
<b>E-ĐKC 13.2</b>	Giảm trừ thanh toán: không áp dụng.
<b>E-ĐKC 15</b>	<p>- Vừa áp dụng phạt vi phạm hợp đồng vừa áp dụng bồi thường thiệt hại.</p> <p>1. Phạt vi phạm hợp đồng: Áp dụng.</p> <p><i>Trường hợp áp dụng phạt vi phạm hợp đồng thì quy định như sau:</i></p> <p>Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Mục 16 E-ĐKC, nếu Nhà thầu không thực hiện một phần hay toàn bộ nội dung công việc theo đúng thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì Chủ đầu tư có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền phạt tương ứng với mức 0,2%/ngày cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Chủ đầu tư sẽ khấu trừ đến 8%. Khi đạt đến mức phạt tối đa, Chủ đầu tư có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Mục 19 E-ĐKC.</p> <p>Trường hợp không kịp thời khắc phục sai sót theo thông báo của Chủ đầu tư, Nhà thầu có trách nhiệm nộp tiền phạt thực hiện hợp đồng tương ứng với 8% chi phí cần thiết để khắc phục sai sót.</p> <p>2. Bồi thường thiệt hại: Áp dụng</p> <p>Quy định về bồi thường như sau:</p>

	- Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế;
<b>E-ĐKC 17.1(c)</b>	Các nội dung khác về sửa đổi hợp đồng: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Theo thỏa thuận giữa các Bên;</li> <li>- Trường hợp khác được quy định trong quá trình thương thảo hợp đồng (nếu cần).</li> </ul>
<b>E-ĐKC 17.4</b>	Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 0% giá trị giảm giá hợp đồng.
<b>E-ĐKC 18 (e)</b>	Các trường hợp khác: <i>Theo thỏa thuận giữa các Bên</i>
<b>E-ĐKC 20.1</b>	Chủ đầu tư thực hiện đánh giá chất lượng dịch vụ phi tư vấn theo nguyên tắc và cách thức như sau: Kiểm tra và nghiệm thu trực tiếp sản phẩm, dịch vụ sau khi bàn giao, triển khai, cài đặt. Thời hạn trách nhiệm đối với sai sót: Trong vòng 30 ngày.
<b>E-ĐKC 21.2</b>	Thời gian Nhà thầu thực hiện việc thay thế nhân sự: 05 ngày
<b>E-ĐKC 22.2</b>	- Thời gian để tiến hành hòa giải: 30 ngày - Giải quyết tranh chấp: + Nếu sau khoảng thời gian để tiến hành hòa giải kể từ khi bắt đầu thương lượng mà hai bên không đạt được thỏa thuận về giải quyết tranh chấp theo Hợp đồng thì một trong hai bên có thể yêu cầu giải quyết tranh chấp đó qua Tòa án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hiện hành của Việt Nam; + Quyết định của Tòa án được coi là phán quyết cuối cùng và có hiệu lực bắt buộc thi hành với hai bên; + Bên thua kiện sẽ chịu toàn bộ án phí

**HỢP ĐỒNG<sup>(1)</sup>**

\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Hợp đồng số: \_\_\_\_\_

Gói thầu: \_\_\_\_\_ [Ghi tên gói thầu]

Thuộc dự án: \_\_\_\_\_ [Ghi tên dự án]

- Căn cứ<sup>(2)</sup> \_\_\_\_ (Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015) [Chủ đầu tư kê khai thông tin];

- Căn cứ<sup>(2)</sup> \_\_\_\_ (Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 06 năm 2023 (được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15)) [Chủ đầu tư kê khai thông tin];

- Căn cứ Quyết định số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ của \_\_\_\_ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu \_\_\_\_ [ghi tên gói thầu] và Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ của Chủ đầu tư; [Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu]

- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được Chủ đầu tư và nhà thầu trúng thầu ký ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_.

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

*Đối với trường hợp Chủ đầu tư trực tiếp ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng với nhà thầu:*

**Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)**

Tên Chủ đầu tư: \_\_\_\_\_

Địa chỉ: \_\_\_\_\_

Điện thoại: \_\_\_\_\_

Fax: \_\_\_\_\_

E-mail: \_\_\_\_\_

Tài khoản: \_\_\_\_\_

Mã số thuế: \_\_\_\_\_

<sup>(1)</sup> Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung hợp đồng theo mẫu này có thể sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, đặc biệt là đối với các nội dung khi hoàn thiện hợp đồng có sự khác biệt so với E-ĐKCT.

<sup>(2)</sup> Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_

Chức vụ: \_\_\_\_\_

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số \_\_\_ ngày \_\_\_ tháng \_\_\_ năm \_\_\_ (*trường hợp được ủy quyền*).

**Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)**

Tên nhà thầu: \_\_\_\_\_

Địa chỉ: \_\_\_\_\_

Điện thoại: \_\_\_\_\_

Fax: \_\_\_\_\_

E-mail: \_\_\_\_\_

Tài khoản: \_\_\_\_\_

Mã số thuế: \_\_\_\_\_

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_

Chức vụ: \_\_\_\_\_

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ với các nội dung sau:

**Điều 1. Đối tượng hợp đồng**

Đối tượng của hợp đồng là cung cấp các dịch vụ được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

**Điều 2. Thành phần hợp đồng**

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng;
2. E-ĐKCT của hợp đồng được điền đầy đủ toàn bộ nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện hợp đồng (nếu có);
3. Biên bản hoàn thiện hợp đồng;
4. E-ĐKC của hợp đồng;
5. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
6. Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng;
7. E-HSDT và các văn bản làm rõ E-HSDT của Nhà thầu (nếu có);
8. E-HSMT và các tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT (nếu có);
9. Các tài liệu khác quy định tại E-ĐKCT.

### **Điều 3. Trách nhiệm của Bên A**

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng quy định tại Điều 5 của hợp đồng này theo phương thức được quy định tại điều kiện cụ thể của hợp đồng cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định tại điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

### **Điều 4. Trách nhiệm của Bên B**

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các dịch vụ như quy định tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

### **Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán**

1. Giá hợp đồng: *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng]*.
2. Phương thức thanh toán: Thanh toán theo quy định tại Mục 13.1 E-ĐKCT

### **Điều 6. Loại hợp đồng**

Loại hợp đồng: Theo điều kiện tại E-ĐKCT.

**Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng:** \_\_\_\_ *[Ghi thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với quy định tại Mục 8 E-ĐKC, E-HSĐT và kết quả hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên]*.

### **Điều 8. Hiệu lực hợp đồng**

1. Hợp đồng có hiệu lực kể **từ ngày Bên B nhận được văn bản đặt hàng của Bên A và Bên A nhận được đảm bảo thực hiện Hợp đồng của Bên B.**

2. Hợp đồng hết hiệu lực trong các trường hợp sau đây:

- Trong vòng tối đa 15 ngày kể từ ngày Bên A có văn bản đặt hàng mà Bên B không xác nhận thực hiện Hợp đồng hoặc không có tài liệu chứng minh đã bắt đầu thực hiện hợp đồng gửi trực tiếp cho Bên A. Trong trường hợp như vậy, Bên B phải bồi thường thiệt hại cho Bên A số tiền bằng giá trị, trong quy định bảo đảm thực hiện hợp đồng.
- Trong vòng tối đa 12 tháng mà Bên A không có văn bản đặt hàng hoặc hết Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng mà Bên B không thực hiện nộp bảo đảm thực hiện Hợp đồng.
- Bên B triển khai xong Hợp đồng trước thời hạn và hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo quy định.

Hợp đồng được lập thành \_\_ bộ, Chủ đầu tư giữ \_\_ bộ, nhà thầu giữ \_\_ bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA**

**NHÀ THẦU**

*[xác nhận, ký tên và đóng dấu]*

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA**

**CHỦ ĐẦU TƯ/ĐƠN VỊ ĐƯỢC ỦY QUYỀN**

*[xác nhận, ký tên và đóng dấu]*

## PHỤ LỤC A: BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số \_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_)

*Phụ lục này được lập trên cơ sở bảng chào giá dự thầu của Nhà thầu theo các Mẫu bảng giá dự thầu tương ứng nêu tại E-HSMT và các thỏa thuận đã đạt được trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, trong đó bao gồm đơn giá, thành tiền cho từng hạng mục, nội dung công việc.*

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Đơn giá (chưa gồm thuế VAT)	Thành tiền (chưa gồm thuế VAT)	Thuế VAT
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1							
2							
...							
<b>Tổng cộng: (chưa bao gồm thuế VAT)</b>							
<b>Thuế VAT</b>							
<b>Tổng cộng giá dự thầu của hàng hoá (bao gồm thuế VAT)</b>							

## **PHỤ LỤC B: YÊU CẦU KỸ THUẬT**

(Kèm theo hợp đồng số \_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_)

## PHỤ LỤC C: CAM KẾT BẢO MẬT THÔNG TIN

(Kèm theo hợp đồng số \_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_)

Bên B Cam kết tuân thủ các điều khoản về Bảo mật thông tin (BMTT), sau đây gọi là cam kết:

### ĐIỀU 1: ĐỊNH NGHĨA

Trong phạm vi của cam kết này, một số thuật ngữ được hiểu như sau:

- **“tác phẩm, sản phẩm”**: là các sản phẩm phần mềm công nghệ thông tin, bao gồm nhưng không hạn chế các **Chương trình máy tính** (là tập hợp các chỉ dẫn được thể hiện dưới dạng các lệnh, các mã, lược đồ hoặc bất kỳ dạng nào khác, khi gắn vào một phương tiện mà máy tính đọc được, có khả năng làm cho máy tính thực hiện được một công việc hoặc đạt được một kết quả cụ thể); **Sưu tập dữ liệu** (là tập hợp có tính sáng tạo thể hiện ở sự tuyển chọn, sắp xếp các tư liệu dưới dạng điện tử hoặc dạng khác) ... mà người lao động sáng tạo ra theo sự phân công của Tổ chức khi xây dựng và triển khai dịch vụ, hoặc bằng cách sử dụng các phương tiện, điều kiện làm việc mà Tổ chức giao cho người lao động.
- **“quyền tác giả”**: là quyền đối với tác phẩm do mình sáng tạo ra, bao gồm Quyền nhân thân và Quyền tài sản.
- **“quyền tài sản”**: bao gồm các quyền sau đây: (1) (a) Làm tác phẩm phát sinh; (b) Công bố tác phẩm trước công chúng; (c) Sao chép tác phẩm; (d) Phân phối, nhập khẩu bản gốc hoặc bản sao tác phẩm; (đ) Truyền đạt tác phẩm đến công chúng bằng phương tiện hữu tuyến, vô tuyến, mạng thông tin điện tử hoặc bất kỳ phương tiện kỹ thuật nào khác; (e) Cho thuê bản gốc hoặc bản sao tác phẩm điện ảnh, chương trình máy tính.
- **“chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp”**: là việc chủ sở hữu đối tượng sở hữu công nghiệp cho phép tổ chức, cá nhân khác sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp thuộc phạm vi quyền sử dụng của mình.
- **“bí mật kinh doanh”**: là các thông tin không phải là hiểu biết thông thường, không dễ dàng có được, khi được sử dụng trong kinh doanh sẽ tạo cho người nắm giữ lợi thế so với người không nắm giữ hoặc không sử dụng bí mật kinh doanh đó, được chủ sở hữu bảo mật bằng các biện pháp cần thiết để bí mật kinh doanh đó không bị bộc lộ và không dễ dàng tiếp cận được.

- **“thông tin bảo mật”**: là các thông tin không được tiết lộ dù được thể hiện dưới hình thức nào (bản cứng, bản mềm, bản gốc, bản copy...) và có được dán nhãn “Mật” tại thời điểm Cam kết này được ký hay không, bao gồm nhưng không giới hạn trong:
  - + Các bí mật kinh doanh.
  - + Các phát minh, sáng kiến, khái niệm, phần mềm trong các giai đoạn phát triển, các thiết kế, màn hình phần mềm, các bản vẽ, các đặc tả kỹ thuật, mô hình, dữ liệu, mã nguồn, mã đối tượng.
  - + Các tài liệu: quy định, quyết định, qui trình, hướng dẫn, thủ tục, dữ liệu, biểu mẫu, chứng từ, kinh nghiệm, kỹ thuật.
  - + Các tài liệu thông tin về kế hoạch định hướng phát triển, tên và các thông tin liên quan đến khách hàng/đối tác khác, bảng giá, chính sách giá, thông tin tài chính.
  - + Các thông tin về:
    - Hạ tầng (bao gồm nhưng không giới hạn trong vị trí, chủng loại, số lượng) hệ thống an ninh vật lý của bên A:
      - Hệ thống thẻ từ, cửa an ninh vật lý.
      - Hệ thống camera giám sát.
      - Lực lượng bảo vệ (vị trí, thời gian biểu, lịch luân chuyển).
    - Hạ tầng hệ thống mạng, ứng dụng:
      - Các sơ đồ, mô hình thiết kế hệ thống mạng.
      - Các địa chỉ IP được sử dụng trong hệ thống mạng.
      - Loại thiết bị phần cứng, phiên bản phần mềm được sử dụng tại Văn phòng của bên A.
      - Cấu hình, thiết lập của các thiết bị phần cứng.
      - Các sản phẩm do Công ty thông tin di động tự sáng tạo và sử dụng.
    - An ninh của hệ thống mạng, ứng dụng:
      - Các mật khẩu của hệ thống.
      - Các thông tin về điểm yếu an ninh trên hệ thống.
      - Chính sách an ninh trên các thiết bị, phần mềm an ninh.
    - Các thông tin về quy định, chính sách tổ chức của Bên A:
      - Các văn bản - quy định hiện hành có liên quan tới an toàn - bảo mật cho hệ thống CNTT được sử dụng nội bộ.

- Các thông tin quy hoạch, thiết kế, định hướng về phát triển hệ thống thông tin.
- Danh sách người dùng trong hệ thống.
- Các bản quyền phần mềm, công cụ.
- Các tài liệu, văn bản, biên bản được sinh ra liên quan hoặc ảnh hưởng tới dịch vụ do đối tác cung cấp trong thời gian đối tác tiến hành khảo sát, triển khai và hỗ trợ dịch vụ.
- Các văn bản, công văn trao đổi thông tin, xây dựng đóng góp ý kiến giữa Bên A và đối tác, các cuộc thu xếp họp đồng và đàm phán giữa Bên A và Bên B hay giữa 1 trong 2 bên với bên thứ 3 có liên quan tới việc cung cấp dịch vụ của Bên B (nhà thầu phụ).
- Các tài liệu mang tính chất bí quyết về kỹ thuật, các mẫu bảng biểu, mẫu khảo sát, mẫu báo cáo, mẫu tài liệu tư vấn.
- Các thông tin được quy định là “Mật” trở lên, hoặc được trao đổi hay phân phối trong các trường hợp có yêu cầu bảo mật trong một khoảng thời gian nhất định bằng văn bản.
- Nội dung bản cam kết này.

## **ĐIỀU 2: CAM KẾT BẢO MẬT THÔNG TIN CỦA BÊN B**

Bên B cam kết không tiết lộ dưới bất kì hình thức nào tất cả các thông tin bảo mật của Bên A, cụ thể:

- Bên B đồng ý không tiết lộ Thông tin bảo mật dưới bất kỳ hình thức nào, cho bất kỳ ai ngoài những nhân viên/ công ty con/ chi nhánh/ văn phòng đại diện của bên B mà người đại diện Bên B đã ký tên dưới đây với xác nhận bằng văn bản rằng họ có liên quan trực tiếp tới dự án cung cấp dịch vụ cho Bên A của Bên B. Trường hợp cần cung cấp thông tin bảo mật cho các nhà thầu phụ, Bên B có trách nhiệm và nghĩa vụ thông báo bằng công văn cho các nhà thầu phụ về việc họ phải tuân thủ hoàn toàn nội dung của bản cam kết này, ghi rõ điều khoản này trong hợp đồng với các nhà thầu phụ cũng như đảm bảo rằng các nhà thầu phụ tuân thủ đúng theo cam kết.
- Những thông tin bảo mật Bên B yêu cầu Bên A cung cấp chỉ được giới hạn trong các thông tin tối thiểu cần thiết cho việc cung cấp dịch vụ của bên B và/hoặc hỗ trợ từ nhà thầu phụ để bên B triển khai dịch vụ; Bên B và các nhà thầu phụ có trách nhiệm chứng minh căn cứ của yêu cầu cung cấp thông tin cũng như cam kết chỉ sử dụng các thông tin này cho các công việc phục vụ mục đích triển khai dự án cung cấp dịch vụ của mình.

- Các thông tin bảo mật dưới bất kỳ dạng nào đều là tài sản của Bên A cho dù đã đăng ký hay chưa đăng ký bảo hộ. Bên B cam kết không sao chép bất kỳ Thông tin bảo mật nào nếu không được Bên A cho phép bằng văn bản, trong trường hợp việc sao chép được chấp thuận thì những thông tin được sao chép vẫn là tài sản độc quyền của Bên A và phải được hoàn lại cho Bên A khi (a) bên B hoàn thành việc sử dụng các thông tin vào các mục đích đã nêu trên, hoặc (b) Bên A yêu cầu. Nếu việc hoàn lại tài liệu thông tin bảo mật không khả thi, Bên B cần cung cấp bằng chứng dưới dạng văn bản có xác nhận của hai bên về việc hủy toàn bộ và an toàn các tài liệu đã được sao chép, cũng như cam kết không sử dụng tiếp các thông tin này.
- Trong quá trình sử dụng các thông tin bảo mật được cung cấp, Bên B cam kết duy trì mức độ bảo mật thông tin tối thiểu ở mức cao theo định mức bên B đang sử dụng và áp dụng đầy đủ những biện pháp bảo vệ cho các thông tin này để ngăn chặn việc thất thoát, rò rỉ thông tin.
- Các thông tin bảo mật nằm trong phạm vi của bản cam kết này không bao gồm các thông tin mà tại thời điểm ký bản cam kết, hoặc sau khi thông tin được cung cấp, được Bên B biết trước khi thực hiện dự án cung cấp dịch vụ cho Bên A. Trong trường hợp này, Bên B cần và có nghĩa vụ trong vòng 7 ngày làm việc thông báo cho Bên A và chứng minh cụ thể rằng các thông tin này đã được Bên B biết trước khi ký cam kết, bằng một hoặc nhiều hơn các cách sau (i) được phát triển độc lập bởi Bên B, (ii) Bên B thu thập được một cách đúng pháp luật từ các nguồn thứ 3 không bị ràng buộc bởi trách nhiệm bảo mật thông tin cho Bên A và có quyền sở hữu hợp pháp đối với các thông tin đó, (iii) đã được công bố công khai theo cách không vi phạm cam kết này và pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế.
- Việc bên A cung cấp thông tin bảo mật cho bên B chỉ phục vụ cho mục đích công việc giữa hai bên, không bao hàm việc cấp giấy phép hay chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp, quyền sở hữu trí tuệ và quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp.
- Bên B xác nhận rằng các Thông tin bảo mật được Bên A cung cấp và/hoặc công bố cho bên B thuộc quyền sở hữu độc quyền của Bên A, trong trường hợp xảy ra bất kỳ hành động nào vi phạm đến các điều khoản trong cam kết này gây thiệt hại cho Bên A thì Bên A có quyền đưa bên vi phạm ra tòa án có thẩm quyền. Trong trường hợp hành động vi phạm đến từ các nhà thầu phụ, Bên B vẫn là bên chịu trách nhiệm chính.
- Khi Bên B phát hiện ra bất kỳ hành động sử dụng hay tiết lộ trái phép Thông tin bảo mật nào, Bên B có trách nhiệm thông báo cho Bên A về các hành vi trái phép đó và hỗ trợ Bên A tiến hành các hoạt động cần thiết để chấm dứt việc sử dụng hay tiết lộ

trái phép này. Trường hợp Bên A phát hiện và có bằng chứng rằng Bên B không tuân thủ điều này, Bên A có quyền coi như Bên B vi phạm cam kết cho dù việc đó đã gây thiệt hại cho Bên A hay chưa.

- Bên B không được phép chuyển nhượng Cam kết này cho bên thứ 3 hay nhà thầu phụ nếu không được sự cho phép trước bằng văn bản của Bên A.
- Các quy định về việc Tiết lộ thông tin bảo mật trong Cam kết này sẽ hết hạn sau 10 (mười) năm kể từ ngày các bên ký cam kết này, hoặc trong trường hợp thông tin được cung cấp nhiều lần theo Cam kết này thì Các quy định này sẽ hết hạn sau 10 (mười) năm kể từ lần cung cấp cuối cùng. Cam kết có thể được gia hạn thêm 5 (năm) năm nếu một bên có thể, bằng văn bản thông báo tới bên kia trong vòng 90 (chín mươi) ngày trước khi hết hạn.

### **ĐIỀU 3: CAM KẾT AN NINH TRONG TRUY CẬP CỦA BÊN B**

- Nhân viên của Bên B và/hoặc nhà thầu phụ trực tiếp tham gia thực hiện dự án/hợp đồng Bên A chỉ được phép truy cập vào các thông tin của Bên A theo phương thức truy cập và sự phân quyền mà bên A cung cấp.
- Nhân viên của Bên B và/hoặc nhà thầu phụ trực tiếp tham gia dự án/hợp đồng cho Bên A có trách nhiệm giữ bí mật và bảo vệ các thông tin được giao khỏi sự truy cập trái phép. Khi Bên A yêu cầu hay việc sử dụng đã hoàn tất, những thông tin này phải được hoàn trả hoặc hủy theo điều 2.
- Không tự ý truy cập thông tin nếu không có sự thỏa thuận trước giữa Bên A và Bên B.
- Không khai thác thông tin (sao chép, tạo mới các công việc dựa trên các thông tin này) vì các mục đích cá nhân hoặc các mục đích khác ngoài phạm vi công việc của dự án/hợp đồng.
- Đối với hệ thống dữ liệu đang chạy phải tuyệt đối đảm bảo toàn vẹn dữ liệu và tuyệt đối bảo mật thông tin. Người lao động của bên B và/hoặc nhà thầu phụ phải chịu trách nhiệm trong trường hợp xảy ra thất thoát hay sự cố do việc tiết lộ thông tin của mình gây ra.
- Đối với các hoạt động truy cập tới thông tin của Bên A, Bên B và Nhà thầu phụ cần tuân thủ các quy định quản lý truy cập của Bên A.

### **ĐIỀU 4: ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

- Trong thời gian làm việc tại Bên A trong phạm vi dự án/hợp đồng của Bên B, nếu người lao động của bên B hoặc/và Nhà thầu phụ vi phạm các quy định nêu tại Cam

kết về BMTT này, người lao động của Bên B và/hoặc nhà thầu phụ cũng như đơn vị chủ quản nhận thức rằng sẽ có thể bị các cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật và bồi thường toàn bộ thiệt hại (nếu có) bao gồm nhưng không hạn chế giá trị tổn thất thực tế (trực tiếp hay gián tiếp) do hành vi vi phạm của mình gây ra.

- Sau khi kết thúc dự án/hợp đồng, bên B cam kết không tiết lộ bất cứ thông tin nào liên quan đến bên A mà bên B thu thập được trong quá trình làm việc.
- Bản Cam kết về BMTT này được hiểu và điều chỉnh theo quy định của pháp luật Việt Nam và các Hiệp định, Điều ước, Công Ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên.
- Tùy theo yêu cầu của Bên A cũng như dự án, Cam kết về BMTT này có thể được sửa đổi và bổ sung.
- Cam kết này có hiệu lực kể từ thời điểm Hợp đồng này có hiệu lực. Các bên tiếp tục thực hiện Cam kết sau khi Hợp đồng này chấm dứt vì bất kỳ lý do nào.

**PHỤ LỤC D: MẪU BIỂU NGHIỆM THU<sup>2</sup>**

(Kèm theo hợp đồng số \_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_)

**Mẫu số 1: BIÊN BẢN NGHIỆM THU ĐÀO TẠO**

....., ngày ..... tháng ..... năm 20...

**BÊN A** : **CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC VIỄN THÔNG HÀNG KHÔNG**

Đại diện : .....

Chức vụ : .....

**BÊN B** : **CÔNG TY .....**

Đại diện : .....

Chức vụ : .....

Căn cứ .....,

Tại....., Hai bên thống nhất nghiệm thu đào tạo các nội dung hợp đồng số ..... như sau:

**1. Danh mục**

STT	Danh mục	Kết quả	
		Đạt	Không đạt
1			
2			
3	.....		

**2. Kết luận:**.....

Biên bản được lập thành 02 (hai) bản mỗi bên giữ 01 (một) bản, các bản có giá trị pháp lý như nhau.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

**ĐẠI DIỆN BÊN B**

<sup>2</sup> Biểu mẫu có thể được bổ sung sửa đổi để phù hợp với thực tế

**Mẫu số 2: BIÊN BẢN NGHIỆM THU KỸ THUẬT**

....., ngày ..... tháng ..... năm 20...

**BÊN A** : **CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC VIỄN THÔNG HÀNG KHÔNG**

Đại diện : .....

Chức vụ : .....

**BÊN B** : **CÔNG TY .....**

Đại diện : .....

Chức vụ : .....

Căn cứ .....,

Tại....., Hai bên thống nhất nghiệm thu kỹ thuật các nội dung hợp đồng số ..... như sau:

**1. Danh mục dịch vụ**

STT	Danh mục dịch vụ và đặc tính kỹ thuật	Kết quả	
		Đạt	Không đạt
1			
2			
3	.....		

**2. Kết luận:**.....

Biên bản được lập thành 02 (hai) bản mỗi bên giữ 01 (một) bản, các bản có giá trị pháp lý như nhau.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

**ĐẠI DIỆN BÊN B**

### Mẫu số 3: BIÊN BẢN BÀN GIAO

....., ngày ..... tháng ..... năm 20...

**BÊN A** : **CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC VIỄN THÔNG HÀNG KHÔNG**

Đại diện : .....

Chức vụ : .....

**BÊN B** : **CÔNG TY .....**

Đại diện : .....

Chức vụ : .....

Căn cứ .....

Tại....., Hai bên thống nhất bàn giao các nội dung hợp đồng số ..... như sau:

#### 1. Danh mục

STT	Danh mục	Kết quả	
		Đạt	Không đạt
1			
2			
3	.....		

#### 2. Kết luận:.....

Biên bản được lập thành 02 (hai) bản mỗi bên giữ 01 (một) bản, các bản có giá trị pháp lý như nhau.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

**ĐẠI DIỆN BÊN B**

## Mẫu số 4: BIÊN BẢN NGHIỆM THU TỔNG THỂ

....., ngày ..... tháng ..... năm 20...

**BÊN A** : CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC VIỄN THÔNG HÀNG KHÔNG

Đại diện : .....

Chức vụ : .....

**BÊN B** : CÔNG TY .....

Đại diện : .....

Chức vụ : .....

- Căn cứ Hợp đồng số ..... ký ngày ..... giữa ..... và .....
- Căn cứ các Biên bản nghiệm thu đào tạo ký ngày .... / ..... / .....
- Biên bản nghiệm thu kỹ thuật ký ngày .... / ..... / .....
- Biên bản bàn giao ký ngày .....

Hai Bên tiến hành nghiệm tổng thể Hợp đồng số ..... với nội dung cụ thể như sau:

### I. Các nội dung chính

Mô tả dịch vụ và giá trị.....

### II. Các nội dung khác theo qui định của hợp đồng

#### 1. Thời gian, tiến độ thực hiện hợp đồng

Thời gian thực hiện hợp đồng:

- Thực hiện và bàn giao toàn bộ các hạng mục dịch vụ tại địa điểm chủ đầu tư: từ ngày ..... đến ngày .....
- Thời gian nghiệm thu đúng tiến độ so với qui định của hợp đồng.

#### 2. Chuyển giao:

Đã hoàn thành đào tạo, chuyển giao tài liệu, cho cán bộ, nhân viên của chủ đầu tư: ngày .....

### III. Kết luận

Các hạng mục dịch vụ sau khi bàn giao, chuyển giao đã đáp ứng theo đúng yêu cầu kỹ thuật của Hợp đồng số ..... ký ngày .....

Hai bên chấp nhận nghiệm thu theo Hợp đồng số ..... ký ngày ..... và chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định bàn giao và nghiệm thu này.

Biên bản bàn giao và nghiệm thu kỹ thuật này (cùng với các tài liệu nghiệm thu kèm theo) có giá trị kể từ ngày ký và được lập thành 04 (bốn) bản, mỗi bên giữ 02 (hai) bản, các bản có giá trị pháp lý như nhau.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

**ĐẠI DIỆN BÊN B**